TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN XUÂN LỘC** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **79**/2022/HS-ST
Ngày: 22-6-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN LỘC TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Hoàng Thị Đào**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Phạm Quang Nghĩa**

2. Ông **Phạm Đức Anh**

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông **Phạm Tuấn Hải**, Thư ký Tòa án.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai, tham gia phiên tòa***: Ông **Phan Quang Hùng** - Kiểm sát viên.

Ngày 22/6/2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 41/2022/HSST ngày 22/3/2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 79/2022/QĐXXST-HS ngày 10/6/2022 đối với các bị cáo:

1. Lê Đỗ M, sinh năm 1988 tại Quảng Bình; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn N, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Bình; nơi cư trú: ấp 6, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 1/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Bá S (không rõ năm sinh) và bà Hoàng Thị C, sinh năm 1941; gia đình bị cáo có 12 anh, chị em, bị cáo là con thứ 11 trong gia đình; có vợ là Nguyễn Thị D, sinh năm 1989, có 02 con lớn nhất sinh năm 2011 nhỏ nhất sinh năm 2015.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/7/2021 cho đến nay. (Có mặt).

2. Đặng Xuân N (tên gọi khác: N Đầu Bò), sinh năm 1982 tại Hưng Yên; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: khu phố 8, thị trấn G, huyện X, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đặng Xuân V, sinh năm 1958 và bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1963; gia đình bị cáo có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất trong gia đình; bị cáo đã ly hôn vợ; có 01 con sinh năm 2011.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/01/2022 cho đến nay. (Có mặt).

3. Nguyễn Thị Thảo N (tên gọi khác: Xíu), sinh năm 1991 tại Đồng Nai; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp S, xã S, huyện X, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh, giới tính: nữ; tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Phúc T, sinh năm 1971 và bà Nguyễn Chiêu L, sinh năm 1968; gia đình bị cáo có 02 chị em, bị cáo là con thứ nhất trong gia đình; có chồng là Nguyễn Lê Tấn P, sinh năm 1993 (đã ly hôn), có 01 con sinh năm 2012.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/7/2021 cho đến nay. (Có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Chị Đoàn Thị Như N, sinh năm 1993; nơi cư trú: ấp S, xã S, huyện X, tỉnh Đồng Nai. (*Vắng mặt).*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 16 giờ 15 phút, ngày 19/7/2021, Công an thị trấn Gia Ray, huyện Xuân Lộc tiến hành kiểm tra hành chính tại nhà Đặng Xuân N thuộc khu phố 8, thị trấn G, huyện X, tỉnh Đồng Nai. Tại thời điểm kiểm tra, trong nhà N có Lê Đỗ M và Nguyễn Thị Thảo N đang ở tại phòng ngủ của Đặng Xuân N để sử dụng trái phép chất ma túy. Qua kiểm tra, phát hiện trên nền nhà tại vị trí Lê Đỗ M và Nguyễn Thị Thảo N đang ngồi có 01 bịch nylon hở một đầu, kích thước 05x03cm và 02 đoạn ống nhựa màu xanh, hàn kín, kích thước 0,5x02cm tất cả đều chứa tinh thể màu trắng, M và N khai là ma túy tổng hợp do M mua của một người tên Thái (không rõ nhân thân, lai lịch) ngụ xã Xuân Trường với giá 1.500.000đ (một triệu năm trăm ngàn đồng), trong đó, N cho M vay 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng). Số ma túy trên M đem đến nhà N với mục đích để sử dụng, không có mục đích khác. Nhận được tin báo, Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về Kinh tế - Ma túy Công an huyện Xuân Lộc đến hiện trường tiếp nhận đối tượng cùng tang vật, tiến hành lập Biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Lê Đỗ M và Nguyễn Thị Thảo N về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy và niêm phong tang vật theo quy định.

Kết quả điều tra, xác định: Lê Đỗ M và Nguyễn Thị Thảo N là người nghiện ma túy tổng hợp (ma túy đá). Vào lúc 11 giờ, ngày 19/7/2021, Nguyễn Thị Thảo N đến phòng trọ của Lê Đỗ M tại ấp 6, xã X, huyện X chơi. Tại đây, M nói chuyện với N về việc mua ma túy của một người tên Thái (không rõ nhân thân, lai lịch) với số tiền 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm ngàn đồng) để sử dụng. Khi Thái đến, M chỉ có số tiền 1.300.000 đồng (Một triệu ba trăm ngàn đồng) nên N đã cho M mượn 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) để mua 01 gói ma túy của Thái với giá 1.500.00 đồng (Một triệu năm trăm ngàn đồng). Sau khi mua được ma túy, M lấy ra 01 ít để cả hai cùng sử dụng, sử dụng xong N đi về nhà. Đến khoảng 14 giờ 30 phút cùng ngày, N gọi điện thoại cho M để hỏi xin

ma túy. Lúc này, M đã đem gói ma túy vừa mua được đến nhà Đặng Xuân N để cùng N sử dụng nên N đã đến nhà N cùng sử dụng ma túy. Sau đó, N xin một nửa số ma túy của M đã mua của Thái trước đó nhưng M không đồng ý nên N chỉ lấy ra 01 ít ma túy ra và đổ vào 02 đoạn ống nhựa màu xanh rồi hàn kín với mục đích xin M để sử dụng, số ma túy còn lại trong gói nylon, N để dưới nền nhà cùng với 02 đoạn ống nhựa màu xanh có ma túy. Đến 16 giờ 15 phút cùng ngày, lực lượng công an đến kiểm tra, phát hiện, thu giữ 01 gói ma túy, 02 đoạn ống nhựa có chứa tinh thể màu trắng (M và N khai là ma túy tổng hợp). Công an tiến hành lập Biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Lê Đỗ M và Nguyễn Thị Thảo N về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy và niêm phong tang vật theo quy định.

Qua xét nghiệm nhanh chất ma túy đối với Lê Đỗ M, Đặng Xuân N, Nguyễn Thị Thảo N đều có kết quả dương tính với ma túy tổng hợp, loại Methamphetamine.

* Tại kết luận giám định số 1533/KLGĐ-PC09 ngày 24/7/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Nai kết luận:

- Mẫu tinh thể màu trắng được niêm phong gửi đến giám định là ma túy, có khối lượng: 0,8883gam, loại: Methampetamine.

Vật chứng vụ án:

- 01 (một) gói nylon, kích thước 05x3cm và 02 (hai) đoạn ống nhựa màu xanh kích thước 0,5 x 02cm, tất cả đều được hàn kín và bên trong có chứa tinh thể màu trắng, tạm giữ của Lê Đỗ M và Nguyễn Thị Thảo N, đã niêm phong ký hiệu M.

- 01 chai nhựa được gắn ống nhựa và ống thủy tinh;

- 02 quẹt ga (01 quẹt ga bị tháo bỏ phần đầu);

- 01 kéo kim loại màu trắng;

- 01 cân điện tử;

- 01 điện thoại Samsung cùng sim số 0937.340.980;

- 01 điện thoại Samsung cùng số sim 0963.058.908;

- 01 xe mô tô biển số 60B5 -61822, qua điều tra, xác định xe này Nguyễn Thảo N mượn của chị Đoàn Thị Như N, sinh năm 1993, ngụ ấp S, xã S, huyện X, tỉnh Đồng Nai không liên quan đến hành vi phạm tội của N. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Xuân Lộc đã trả xe mô tô trên cho chị Đoàn Thị Như N theo quy định.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai giữ nguyên cáo trạng truy tố bị cáo về tội danh và điều luật áp dụng như nội dung Bản cáo trạng số 46/CT-VKS-LK ngày 21/3/2022 và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm c, khoản 1 Điều 249; điểm b khoản 2 Điều 255; Điều 38; 55; 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017). Xử phạt bị cáo Lê

Đỗ M từ 01 (Một) năm 04 (Bốn) tháng đến 01 (Một) năm 08 (Tám) tháng tù về tội "***Tàng trữ trái phép chất ma túy***" và từ 07 (Bảy) năm đến 08 (Tám) năm tù về tội "***Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy***".

Đề nghị áp dụng điểm d, khoản 2 Điều 356; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017). Xử phạt bị cáo Đặng Xuân N từ 07 (Bảy) đến 08 (Tám) năm tù về tội "***Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy***".

Đề nghị áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017). Xử phạt: bị cáo Nguyễn Thị Thảo N từ 01(Một) năm 02 (Hai) tháng đến 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội "***Tàng trữ trái phép chất ma túy***".

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị Hội đồng xét xử quyết định về vật chứng của vụ án và án phí hình sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thị Thảo N đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu không tham gia tranh luận, chỉ xin giảm nhẹ hình phạt.

Bị cáo Lê Đỗ M thừa nhận hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy nhưng không thừa nhận hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, bị cáo cho rằng bị cáo chỉ đưa ma túy đến nhà N, N và N tự sử dụng, bị cáo không biết, tại nhà N bị cáo không sử dụng ma túy.

Bị cáo Đặng Xuân N có lúc thừa nhận, có lúc không thừa nhận hành vi phạm tội của mình.

Các bị cáo nói lời nói sau cùng như sau:

Bị cáo Lê Đỗ M: Bị cáo mong hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo Đặng Xuân N: Bị cáo nhận thức hành vi của mình là sai trái, bị cáo hứa sẽ không tái phạm và mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo Nguyễn Thị Thảo N: Bị cáo nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm được trở về với gia đình và xã hội, chăm sóc con nhỏ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên toà, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Đoàn Thị Như N vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có lời khai tại cơ quan điều tra, chị Ngọc đã nhận lại xe và không yêu cầu gì, xét thấy việc vắng mặt của chị N không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án, căn cứ Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo N khai nhận hành vi phạm tội do mình thực hiện như nội dung bản Cáo trạng đã nêu, bị cáo M, N không thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Tuy nhiên, xét trong quá trình điều tra, các lời khai ban đầu của các bị cáo M và N phù phù hợp với lời khai của bị cáo bị cáo N, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận:

Do có nhu cầu sử dụng ma túy, ngày 19/7/2021 Lê Đỗ M đã liên hệ với người thanh niên tên Thái (không rõ nhân thân, lai lịch) để mua ma túy với số tiền 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm ngàn đồng) nhưng khi Thái giao ma túy, M chỉ có 1.300.000 đồng (Một triệu ba trăm ngàn đồng), thấy vậy Nguyễn Thị Thảo N đã cho M mượn số tiền 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) để M trả cho Thái. Sau khi có được ma túy, Lê Đỗ M đã đưa đến nhà Đặng Xuân N để sử sụng trái phép cùng với Đặng Xuân N và Nguyễn Thị Thảo N. Đến 16 giờ 15 phút cùng ngày, khi M và N đang sử dụng ma túy tại nhà N thì bị Công an thị trấn Gia Ray phát hiện, bắt quả tang thu giữ 01 gói ma túy, 02 đoạn ống nhựa có chưa tinh thể màu trắng (M và N khai là ma túy tổng hợp) 01 chai nhựa được gắn ống nhựa và ống thủy tinh; 02 quẹt ga (01 quẹt ga bị tháo bỏ phần đầu); 01 kéo kim loại màu trắng (đây là những dụng cụ để sử dụng ma túy). Qua giám định, mẫu tinh thể màu trắng được niêm phong ký hiệu (M) được gửi đến giám định là ma túy, có khối lượng 0,8883gam, loại Methamphetamine.

Do đó, có đủ cơ sở kết luận hành vi của Lê Đỗ M phạm tội "***Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy***" theo quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 1017) và tội "***Tàng trữ trái phép chất ma túy***" theo quy định tại điểm c, khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017); hành vi của bị cáo Nguyễn Thị Thảo N phạm tội "***Tàng trữ trái phép chất ma túy***" theo quy định tại điểm c, khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017); Hành vi của Đặng Xuân N phạm tội "***Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy***" theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 256 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) như kết luận của Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi của các bị cáo là rất nghiêm trọng, không những xâm phạm đến chế độ quản lý độc quyền của Nhà nước đối với các chất ma túy mà còn xâm phạm trực tiếp đến trật tự, an toàn công cộng là tác nhân gây ra sự nghiện ngập, ảnh hưởng xấu đến sức khỏe, khả năng lao động của người sử dụng là tác nhân gây ra các tội phạm khác nên cần xử lý nghiêm.

Đây là vụ án phạm tội giản đơn, trong đó Lê Đỗ M giữ vai trò là người có hành vi mua ma túy và tàng trữ trái phép chất ma túy để sử dụng; Nguyễn Thị

Thảo N biết và chứng kiến việc Lê Đỗ M mua ma túy, khi M thiếu tiền liền cho M mượn số tiền 200.000 đồng để M trả tiền mua ma túy nên N đồng phạm với M về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy, với vai trò giúp sức nên khi quyết định hình phạt đối với bị cáo M phải nghiêm khắc hơn bị cáo N. Ngoài ra, M còn có hành vi đưa ma túy đến nhà N để tổ chức cho N và N sử dụng vì vậy còn phải chịu mức hình phạt tương xứng đối với hành vi phạm tội của bị cáo; Đặng Xuân N có hành vi chuẩn bị dụng cụ và chứa chấp các bị cáo khác tại nhà riêng của mình để tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy nên phải chịu mức án tương xứng với mức độ, hành vi phạm tội của mình.

[3] Về tình tiết định khung hình phạt:

- Về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy của M và N: Mục đích các bị cáo mua ma túy về cất giấu để sử dụng. Số ma túy thu giữ ngày 19/7/2021 được giám định và theo Tại kết luận giám định số 1533/KLGĐ-PC09 ngày 24/7/2021của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Nai kết luận: Mẫu tinh thể màu trắng được niêm phong gửi đến giám định là ma túy, có khối lượng: 0,8883gam, loại: Methampetamine. Vì vậy, bị cáo M và N bị xét xử ở điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017).

Về hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy của bị cáo Lê Đỗ M: Sau khi có ma túy, bị cáo M đã tổ chức sử dụng cùng N và N nên hành vi này của M phạm vào điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017).

Đối với hành vi của Đặng Xuân N, N đã chuẩn bị công cụ sử dụng mà túy và dùng chính nhà riêng của mình để chứa chấp M và N sử dụng trái phép chất ma túy nên hành vi của N bị xét xử ở điểm d, khoản 2 Điều 256 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017).

[4] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo:

Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo N đã thành khẩn khai báo toàn bộ tình tiết liên quan đến vụ án; đã ăn năn hối cải về việc làm sai trái của mình, có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, đang nuôi con nhỏ là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, bị cáo M và N không thành khẩn khai báo, chưa thể hiện được sự ăn năn, hối cải nên không được hưởng tỉnh tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, khoản 1 Điều

Căn cứ tính chất hành vi phạm tội nên cần xử bị cáo một mức án đủ nghiêm nhằm răn đe, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung.

Ngoài hình phạt chính, Hội đồng xét xử không áp dụng thêm hình phạt bổ sung, phạt tiền bị cáo để sung quỹ Nhà nước theo khoản 5 Điều 249 Bộ luật Hình

sự năm 2015.

[5] Về vật chứng vụ án: 01 (Một) gói niêm phong hình chữ nhật, dán kín đã được niêm phong số 1533/KLGĐ-PC09 ngày 27/7/2021, bên trong chứa mẫu vật ma túy còn lại sau giám định của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Nai, là vật cấm tàng trữ, lưu hành; 01 chai nhựa được gắn ống nhựa và ống thủy tinh; 02 quẹt ga (01 quẹt ga bị tháo bỏ phần đầu); 01 kéo kim loại màu trắng; 01 cân điện tử; số sim 0937.340.980, sim số 0963.058.908 không còn giá trị sử dụng do đó cần tiêu hủy theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- 01 xe mô tô biển số 60B5 -61822, qua điều tra, xác định xe này Nguyễn Thảo N mượn của chị Đoàn Thị Như N, sinh năm 1993, ngụ ấp S, xã S, huyện X, tỉnh Đồng Nai không liên quan đến hành vi phạm tội của N. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Xuân Lộc đã trả xe mô tô trên cho chị Đoàn Thị Như N là phù hợp với quy định của pháp luật.

[6] về biện pháp tư pháp:

Tịch thu, phát mãi thu nộp ngân sách nhà nước đối với 02 điện thoại Samsung.

[7] Các vấn đề khác: Đối với người thanh niên tên Thái mà Lê Đỗ M khai đã bán ma túy cho M do không xác định được nhân thân, lai lịch cụ thể nên tiếp tục điều tra làm rõ, xử lý sau.

[8] Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo là người bị kết án nên phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

[9] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về việc đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội cũng như đề xuất về hình phạt đối với bị cáo phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận một phần.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249; điểm b khoản 2 Điều 255; Điều 55; 58; Điều 38; Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017).

Tuyên bố bị cáo Lê Đỗ M phạm tội "***Tàng trữ trái phép chất ma túy***" và tội "***Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy***".

Xử phạt bị cáo **Lê Đỗ M - 01** (Một) năm **06** (Sáu) tháng tù về tội "***Tàng trữ trái phép chất ma túy***" và **07** (*Bảy*) năm **06** (*Sáu*) tháng tù về tội "***Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy***". Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả 02 (Hai) tội là **09** (*Chín*) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 19/7/2021.

Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 256; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017).

Tuyên bố bị cáo Đặng Xuân N phạm tội "***Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy***".

Xử phạt bị cáo **Đặng Xuân N - 07** (*Bảy*) năm **06** (*Sáu*) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 06/01/2022.

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017).

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Thảo N phạm tội "***Tàng trữ trái phép chất ma túy***".

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị Thảo N - 01** (Một) năm **02** (*Hai*) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 19/7/2021.

- Về xử lý vật chứng:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015

Tịch thu tiêu hủy 01 (Một) gói niêm phong hình chữ nhật, dán kín đã được niêm phong số 1533/KLGĐ-PC09 ngày 27/7/2021, bên trong chứa mẫu vật ma túy còn lại sau giám định của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Nai; 01 chai nhựa được gắn ống nhựa và ống thủy tinh; 02 quẹt ga (01 quẹt ga bị tháo bỏ phần đầu); 01 kéo kim loại màu trắng; 01 cân điện tử; số sim 0937.340.980, sim số 0963.058.908.

- Về biện pháp tư pháp: Tịch thu, phát mãi thu nộp ngân sách nhà nước 02 điện thoại Samsung.

(Toàn bộ vật chứng hiện Chi cục thi hành án dân sự huyện Xuân Lộc đang quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 22/3/2022).

- Về án phí hình sự sơ thẩm:

Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo Lê Đỗ M, Đặng Xuân N, Nguyễn Thị Thảo N mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo đối với Bản án: Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Xuân Lộc;
- CQCSĐT Công an huyện Xuân Lộc;
- CQ THAHS Công an huyện Xuân Lộc;
- Chi cục THADS huyện Xuân Lộc;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Các bị cáo;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thị Đào